TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/HS-ST
Ngày 04/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Bạn.
2. Bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2023/HS-ST ngày 27/3/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HS ngày 10/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/HSST-QĐ ngày 20/4/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh ngày 18/3/1997, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 2, Thôn B, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Cao Lan; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần Văn T, sinh năm 1977 và con bà Võ Thị H, bị cáo có vợ Vũ Thị T, sinh năm 1997 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015 và con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 17/01/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật Sư Vũ Quang K, Công ty Luật TNHH MTV Vũ K – Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Số 10 P, phường P1, thành phố P2, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. Luật Sư Hứa Thị Trung N, Văn phòng Luật sư Hứa Hoàng G – Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: 106 L, tổ 6, phường I, thành phố P2, tỉnh Gia Lai; có mặt.

Bị hại: Chị Đặng Thị Như H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 363/N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 363/1N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Trần Thị L, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố M, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Đội 2, Thôn B, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người làm chứng: Anh Lê Hạ H.

Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T, thông qua game online, quen biết và có tình cảm với chị Đặng Thị Như H. Trong thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 11/2022, chị H sử dụng điện thoại di động của mình tự chụp nhiều hình ảnh khỏa thân và tự quay khoảng 03-04 đoạn video khỏa thân của mình gửi qua mạng xã hội Zalo cho T xem. Sau khi xem xong những video này, T có lưu lại 01 đoạn video có dung lượng 02 phút 46 giây ghi lại hình ảnh chị H khỏa thân, tự kích thích bộ phận sinh dục của mình vào chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số loại Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei: 355372081622353 của T. Sau một thời gian nhắn tin qua lại, chị H sợ chồng mình là anh Nguyễn Thanh H, phát hiện sự việc trên nên đã chủ động cắt đứt mối quan hệ với T, nhưng T không đồng ý, sau đó T nhiều lần nhắn tin nhưng chị H không trả lời, đến ngày 28/12/2022, T chụp 01 tấm hình từ đoạn video khỏa thân của chị H, sau đó sử dụng Zalo gửi 01 tấm hình trên qua Zalo tên "Thanh Hùng" của anh H, là chồng chị H. Tiếp đến ngày 29/12/2022, T tiếp tục gửi 01 tấm hình chị H đang trong tình trạng khỏa thân, tay trái che phần ngực, tay phải đang kéo quần xuống đến phần bàn chân, thấy được khoảng 1/2 khuôn mặt, qua Zalo tên "Thanh Hùng" của anh H. Thấy T gửi hình ảnh khỏa thân của mình cho anh H nên chị H nhắn tin, gọi điện thoại, đề nghị T xóa những hình ảnh, video trên và không làm phiền đến cuộc sống chị H nữa. Lúc này, T nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin đe dọa, uy hiếp tinh thần, yêu cầu chị H phải gửi tiền cho T số tiền 50.000.000 đồng vào số 1015199835 mở tại Ngân hàng Vietcombank mang tên Trần Thị L, là em gái ruột của T, sau khi nhận tiền thì T sẽ xóa những hình ảnh, video trên và không liên lạc với chị H nữa, nếu chị H không gửi tiền T sẽ gửi những hình ảnh, video khỏa thân cho người thân, bạn bè của chị H. Do số tiền quá lớn nên chị H nói là không thu xếp được thì T yêu cầu chị

H phải chuyển khoản trước số tiền 30.000.000 đồng, nhưng chị H muốn trực tiếp gặp T để xóa các hình ảnh, video nhạy cảm của mình thì mới đưa tiền cho T. Sau nhiều lần bị T đe dọa, chị H đồng ý giao trước cho T số tiền 5.000.000 đồng và hẹn ngày 17/01/2023 gặp nhau tại quán cà phê "HOIANBYNIGHT" trên đường Sách cafe, thuộc phường T, thành phố B để giao nhận tiền. Tại đây, chị H đã yêu cầu T đưa cho chị H kiểm tra điện thoại di động Iphone 7 Plus của T và thấy bên trong còn lưu trữ 01 đoạn video khỏa thân của mình nên chị H đã tự thao tác xóa đoạn video trên, đồng thời giao cho T số tiền 5.000.000 đồng theo yêu cầu của T. Sau khi T nhận tiền từ chị H thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang.

Về vật chứng thu giữ: Số tiền 5.000.000 đồng gồm: 04 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng; 06 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng; 18 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, số loại IPHONE 7 Plus, màu đen, số Imei: 355372081622353, gắn sim số 0988104484.

Tại bản Cáo trạng số: 90/CT-VKS-HS ngày 24/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Trần Văn T, về tội "Cưỡng đoạt tài sản", theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, những lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, không bị ép cung nhục hình gì.

Lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra là khách quan đúng sự thật của vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường tổn thất về mặt tinh thần cho chị H, chị Đặng Thị Như H không có yêu cầu gì khác.

Về xử lý vật chứng: Ngày 15/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 24, quyết định trả số tiền 5.000.000 đồng cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Đặng Thị Như H.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số loại Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei: 355372081622353, kèm sim của bị cáo Trần Văn T, là công cụ để bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với chị Trần Thị L, là người cho bị cáo T mượn số tài khoản để nhận tiền từ chị Đặng Thị Như H, chị Loan không biết bị cáo T sử dụng số tài khoản vào hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối với chị Trần Thị L là phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa và cho rằng:

Việc truy tố và xét xử bị cáo T về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa nhưng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo có phần nghiêm khắc. Vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị hại có một phần lỗi, số tiền bị cáo chiếm đoạt là mức khởi điểm của khung hình phạt, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên cần áp dụng điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, với mức hình phạt 18 tháng tù là thấu tình, đạt lý.

Bị cáo đồng ý với lời luận tội của kiểm sát viên, lời bào chữa của người bào chữa và không tranh luận, đối đáp gì với Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước, sớm có điều kiệt chăm sóc bố mẹ, chuộc lỗi với vợ, con.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hình vi của bị cáo dùng hình ảnh, video khỏa thân của chị Đặng Thị Như H, đe dọa, uy hiếp tinh thần, để cưỡng đoạt tài sản của chị H, số tiền 50.000.000 đồng là phạm tội Cưỡng đoạt tài sản tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Điều 170 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;…”.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng không những đã xâm phạm, chiếm đoạt đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng quan hệ nhân thân và quan hệ sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm, chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc.

Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên vào cuối tháng 12/2022 đến ngày 17/01/2023, bị cáo Trần Văn T đã dùng hình ảnh, video khỏa thân của chị Đặng Thị Như H, đe dọa, uy hiếp tinh thần chị Đặng Thị Như H, với mục đích chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng, nếu không sẽ gửi hình ảnh, vi deo nhạy cảm cho chồng, người thân của chị H biết. Cho nên đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Có như vậy, mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải, bị cáo đã tác động bố ruột bồi thường toàn bộ thiệt hại về mặt tinh thần cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, ngoài ra bị cáo có ông nội Trần Văn Sài là người có công với cách mạng, số tiền bị cáo thực chất chiếm đoạt được là 5.000.000 đồng, giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ tình cảm, bị hại có một phần lỗi là người chủ động gửi các vi deo, hình ảnh nhạy cảm cho bị cáo và bị cáo là người dân tộc thiểu số nên khả năng nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ sức răn đe và thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động bố ruột là ông Trần Văn T thỏa thuận bồi thường về tổn thất tinh thần cho bị hại chị Đặng Thị Như H với số tiền 40.000.000 đồng, chị H làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho

bị cáo và không yêu cầu bồi thường thêm khoản gì khác. Xét thấy đây là sự tự nguyện thoả thuận, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho chị Đặng Thị Như H nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số loại Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei: 355372081622353, kèm sim số 0988104484 là tài sản của bị cáo Trần Văn T, sử dụng làm công cụ phạm tội (Đặc điểm, khối lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án thành phố B ngày 27/3/2023).

Đối với chị Trần Thị L là người cho bị cáo T mượn số tài khoản để nhận tiền từ chị Đặng Thị Như H, chị Loan không biết bị cáo T sử dụng số tài khoản vào hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối với chị Trần Thị L là phù hợp.

Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, những người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp là 18 tháng tù là không thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận quan điểm này của những người bào chữa.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/01/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 592, 591 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường về tổn thất tinh thần cho bị hại chị Đặng Thị Như H với số tiền 40.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả số tiền 5.000.000 đồng cho chị Đặng Thị Như H là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Trần Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số loại Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei: 355372081622353,

kèm sim số 0988104484 (Đặc điểm, khối lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án thành phố B ngày 27/3/2023).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. B;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh